

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 16 tháng 8 năm 2024  
“V/v tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Bằng, ông Nguyễn Thanh Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm My, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2024/QĐXXST-HN ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Trần Bảo Y năm 2001, nơi cư trú: Số D, tổ D, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H năm 1992, nơi cư trú: Số D, đường V, tổ D, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Trần Bảo Y1 trình bày:*

Bà và ông H tự tìm hiểu yêu thương chung sống với nhau vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 27/01/2023. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Trong thời gian chung sống, bà và ông H2 sinh 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh N ngày 15/3/2023.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà Y2 cầu được ly hôn với ông H3 cầu được nuôi dạy con chung không yêu cầu ông H4 dưỡng. Tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H2 nhận được các văn bản tổng đạt nhưng không có mặt tham gia tố tụng tại Tòa án.

Kết quả xác minh tại B khóm V cho biết: Ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số D, đường V, tổ D, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang. Hiện nay ông H vẫn còn sinh sống tại địa phương; tình trạng mâu thuẫn của bà Y ông H5 thế nào thì ban khóm không rõ.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải giữa các đương sự nhưng ông H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Y được ly hôn với ông H6 Về con chung, hiện do bà Y3 dạy nên tiếp tục giao con bà Y; bà Y không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi nên công nhận sự tự nguyện của bà Y. Về tài sản chung, nợ chung bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N2 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà Y, ông H đã xảy ra mâu thuẫn nhưng không ai chủ động hàn gắn tình cảm. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà Y và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Bà Y, ông H có 01 con chung Nguyễn Huỳnh N ngày 15/3/2023. Bà Y có yêu cầu nuôi dạy con chung; từ khi sinh ra đến nay, cháu N sống cùng với bà Y và ông H, nhưng sau khi bà Y, ông H không còn chung sống với nhau thì bà Y là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Bà Y có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà N, giao cháu Nguyễn Huỳnh N ngày 15/3/2023 cho bà Y tiếp tục nuôi dạy cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động. Ông H7 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Các Điều 5 6, 58, 81, 82 và Điều 8 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Trần Bảo Y1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Trần Bảo Y1, sinh năm 2001 được ly hôn ông Nguyễn Văn H8, sinh năm 1992.

2. Về con chung: Bà Y4 tiếp tục nuôi dạy con chung Nguyễn Huỳnh N ngày 15/3/2023 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Văn H8 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Y cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Y phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003395 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà Y đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn H8 không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Phương**